TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18/7/2019
V/v: "*Ly hôn,tranh chấp về nuôi con khi ly hôn Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tài Tính.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Sơn.

2. Bà Lê Thị Bích Lan.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Nương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi* tham gia phiên tòa**: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 07 năm 2019, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 07 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Thanh Tr, sinh năm: 1996(có mặt)

- *Bị đơn*: Anh Trương Tấn B, sinh năm: 1989(có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Đội 3, tổ dân phố A, thị trấn S, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng C;

Địa chỉ trụ sở: C5, Bán đảo L, phường H, Quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Hồng O – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Tư Nghĩa theo Văn bản ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng C.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Vũ Thị N – Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Tư Nghĩa theo văn bản ủy quyền số 129/UQ-NHCS ngày 29 tháng 5 năm 2019 của giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DỤNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/3/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/4/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Thanh Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh Tr và anh Trương Tấn B tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND thị trấn S, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi kết hôn chị Tr và anh B chung sống hạnh phúc và có một con chung. Nhưng sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, anh B không lo làm ăn, thiếu trách nhiệm với vợ con. Kinh tế gia đình luôn thiếu thốn mà bản thân anh B ham mê cờ bạc gây ra nợ nần nên cuộc sống ngày càng căng thẳng, không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Từ tháng 8 năm 2018, anh B vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, đến tháng 3 năm 2019 chị Tr về nhà cha mẹ đẻ của chị Tr sinh sống. Tình cảm vợ chồng giữa chị Tr và anh B không thể hàn gắng được. Chị Lê Thị Thanh Tr xin ly hôn với anh Trương Tấn B.

- Về con chung: Chị Lê Thị Thanh Tr và anh Trương Tấn B có 01 con chung là Trương Lê Tấn T, sinh ngày: 17/08/2013. Hiện nay con chung đang sống cùng với chị Lê Thị Thanh Tr.

Tại phiên tòa chị Tr có nguyện vọng được nuôi Trương Lê Tấn T, chị Tr không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Vì trước đây chị Tr và anh B thỏa thuận giao con chung cho anh B nuôi dưỡng nhưng anh B đã đi vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn và hiện nay chị Tr đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu T.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Vào ngày 21/8/2018 chị Lê Thị Thanh Tr và anh Trương Tấn B có vay vốn chương trình hộ cận nghèo của Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Tư Nghĩa với số tiền 40.000.000đ(Bốn mươi triệu đồng), lãi suất 7,92%/năm để sử dụng vào mục đích nuôi bò sinh sản, thời hạn trả nợ ngày 21/8/2021. Tính đến ngày 18 tháng 7 năm 2019, chị Tr và anh B còn nợ Ngân hàng số tiền 40.000.000đ(Bốn mươi triệu đồng). Khi ly hôn mỗi người phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng ½ số nợ trên cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng.

Tại bản tự khai ngày 19/4/2019 anh Trương Tấn B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Tấn B và chị Lê Thị Thanh Tr tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Từ khi kết hôn đến nay, vợ chồng anh B và chị Tr xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Nay chị Lê Thị Thanh Tr xin ly hôn với anh Trương Tấn B, anh B đồng ý.

- Về con chung: Anh B và chị Tr có 01 con chung là Trương Lê Tấn T, sinh ngày: 17/08/2013. Hiện nay con chung đang sống cùng với anh Trương Tấn B. Khi ly hôn, anh B có nguyện vọng tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Anh Trương Tấn B trình bày anh B và chị Tr có vay tiền của Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi nhưng không trình bày rõ về số nợ cụ thể bao nhiêu và ý kiến của anh B như thế nào đối với khoản nợ vay của Ngân hàng.

Ngày 06/6/2019 anh Trương Tấn B có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vắng mặt.

Tại đơn khởi kiện ngày 09/5/2019 và tại phiên tòa người được ủy quyền của Ngân hàng C trình bày ý kiến:

Vào ngày 21 tháng 8 năm 2018, anh Trương Tấn B và chị Lê Thị Thanh Tr có vay vốn chương trình hộ cận nghèo của Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Tư Nghĩa với số tiền: 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng chẵn), theo hợp đồng số: 7089829506, lãi suất: 7,92%/ năm, để sử dụng vào mục đích: nuôi bò sinh sản, thời hạn trả nợ: ngày 21 tháng 08 năm 2021.

Nay Ngân hàng C đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa giải quyết buộc anh Trương Tấn B và chị Lê Thị Thanh Tr phải có trách nhiệm trả nợ gốc là 40.000.000^{đ}(Bốn mươi triệu đồng) và lãi tạm tính đến ngày 18/7/2019 là 274.000^{đ}(Hai trăm bảy mươi bốn ngàn đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/7/2019 cho đến khi trả xong nợ theo thỏa thuận giữa các bên trong sổ vay vốn ngày 21/8/2018.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh Tr yêu cầu ly hôn với anh Trương Tấn B.

Về con chung: Chị Tr và anh B có 01 con chung là Trương Lê Tấn T, sinh ngày: 17/08/2013. Hiện nay con chung đang sống cùng chị Tr nên giao cháu Trương Lê Tấn T cho chị Tr nuôi dưỡng, giáo dục, anh B không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị Tr và anh B mỗi người có trách nhiệm trả 1/2 số nợ cho Ngân hàng C và lãi suất phát sinh kể từ ngày 19/7/2019 trên dư nợ gốc theo sổ vay vốn đã ký kết cho đến khi trả nợ xong cho Ngân hàng.

Về án phí: Chị Tr và anh B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn anh Trương Tấn B có đăng ký hộ khẩu thường trú và địa chỉ nơi cư trú hiện nay tại đội 3, tổ dân phố An, thị trấn S, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh Tr và anh Trương Tấn B tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh B là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa chị Lê Thị Thanh Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Trương Tấn B. Anh Trương Tấn B có đơn xin xét xử vắng mặt, tại bản trình bày ý kiến anh B đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Thanh Tr, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Lê Thị Thanh Tr và anh Trương Tấn B tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và được gia đình tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND thị trấn S, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Thời gian đầu sau kết hôn chị Tr và anh B chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Chị Tr trình bày anh B thiếu trách nhiệm với vợ con, ham mê cờ bạc nên vợ chồng lâm vào cảnh nợ nần, chị Tr đã trả nợ cho anh B rất nhiều lần. Từ đó, mâu thuẫn giữa chị Tr và anh B là mâu thuẫn cả về kinh tế lẫn quan điểm sống. Từ tháng 8 năm 2018 anh B đi vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn đến tháng 3 năm 2019 chị Tr đã về cha mẹ đẻ của chị Tr sinh sống. Từ đó đến nay, ai lo cuộc sống của người đó, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Tình cảm vợ chồng giữa chị Tr và anh B không hàn gắn được, chị Lê Thị Thanh Tr xin ly hôn với anh Trương Tấn B, anh B đồng ý nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Anh B có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh B.

[3.2] Về con chung: Trước đây Chị Lê Thị Thanh Tr và anh Trương Tấn B thỏa thuận giao cháu Trương Lê Tấn T, sinh ngày 17/8/2013 cho anh B nuôi. Tại phiên tòa hôm nay Chị Tr khai anh B đi làm ăn xa bỏ con lại cho chị nuôi, anh B không có trách nhiệm gì về việc nuôi con, để ổn định trong việc nuôi con chị Tr yêu cầu được tiếp tục nhận nuôi cháu T không yêu cầu anh Trương Tấn B cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Trương Lê Tấn T, xét yêu cầu của chị Tr phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thanh Tr và anh Trương Tấn B đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Căn cứ vào hồ sơ vay vốn của anh Trương Tấn B mà Ngân hàng cung cấp, qua trình bày của chị Lê Thị Thanh Tr và trình bày của bà Đỗ Thị Ý Ng mẹ của anh Trương Tấn B: Anh Trương Tấn B là người đứng ra vay tiền, chị Lê Thị Thanh Tr là người thừa kế, hàng tháng anh B và chị Tr vẫn trả lãi cho Phòng giao dịch Ngân hàng C đầy đủ, có cơ sở Hội đồng xét xử nhận định: Vào ngày 21/8/2018 chị Lê Thị Thanh Tr và anh Trương Tấn B có vay vốn chương trình hộ cận nghèo của Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Tư Nghĩa với số tiền 40.000.000đ(Bốn mươi triệu đồng), lãi suất 7,92%/năm để sử dụng vào mục đích nuôi bò sinh sản, thời hạn trả nợ ngày 21/8/2021. Tính đến ngày 18 tháng 7 năm 2019, chị Tr và anh B còn nợ Ngân hàng C số tiền

40.000.000đ(Bốn mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 18/7/2019 là 274.000đ(Hai trăm bảy mươi bốn ngàn đồng) nên chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng C. Buộc anh Trương Tấn B và chị Lê Thị Thanh Tr mỗi người phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 20.000.000đ(Hai mươi triệu đồng) và mỗi người phải trả 137.000đ(Một trăm ba mươi bảy ngàn đồng) tiền lãi tính đến ngày 18/7/2019 và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/7/2019 trên dư nợ gốc mà các bên đã thỏa thuận trong sổ vay vốn ngày 21/8/2018 cho đến khi trả xong tất cả các khoản nợ cho Ngân hàng.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lê Thị Thanh Tr phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng).

Án phí dân sự về phần nợ chung: Chị Lê Thị Thanh Tr và anh Trương Tấn B mỗi người phải nộp 1.006.850đ(Một triệu không trăm lẻ sáu ngàn tám trăm năm mươi đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thanh Tr. Chị Lê Thị Thanh Tr được ly hôn với anh Trương Tấn B.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Lê Tấn T, sinh ngày 17/8/2013 cho chị Lê Thị Thanh Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Trương Tấn B không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

Buộc anh Trương Tấn B và chị Lê Thị Thanh Tr mỗi người phải trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc là 20.000.000đ(Hai mươi triệu đồng) và 137.000đ(Một trăm ba mươi bảy ngàn đồng) tiền lãi tính đến ngày 18/7/2019. Tổng cộng tiền gốc và lãi anh B và chị Tr mỗi người phải trả cho Ngân hàng C là 20.137.000^{đ}(Hai mươi triệu một trăm ba mươi bảy ngàn đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/7/2019 trên dư nợ gốc do các bên đã thỏa thuận trong sổ vay vốn ngày 21/8/2018 cho đến khi trả xong tất các các khoản nợ cho Ngân hàng C.

5. Về án phí:

5.1. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Lê Thị Thanh Tr phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^{đ} chị Tr đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004153 ngày 18/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

5.2. Án phí về phần nợ chung;

Chị Lê Thị Thanh Tr và anh Trương Tấn B mỗi người phải nộp 1.006.850đ(Một triệu không trăm lẻ sáu ngàn tám trăm năm mươi đồng) án phí.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa; tỉnh Quảng Ngãi;
- Chị cục THADS huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND thị trấn S
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Tài Tính